

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 29 tháng 8 năm 2025.
"Về việc: Ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Hằng.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Mã Thư Viện - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng tham gia phiên toà:*
Bà Lê Thị Thắm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2025/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lý Thị T** - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Kim Bảng, xã Độc Lập, tỉnh Cao Bằng

Số Căn cước công dân: 0041950086xx, cấp ngày 24/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C.

- Bị đơn: **Nguyễn Văn T1** - Sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm N, xã B, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 16, phân trại 1, Trại giam V thuộc thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thôn T, xã Đ, tỉnh Phú Thọ).

Số Căn cước công dân: 0040940037xx (theo xác nhận thông tin về cư trú).

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lý Thị T trình bày:*

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 ngày 16/8/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P (nay là xã B), tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại xã B. Quá trình chung sống tôi phát hiện anh T1 nghiện ma túy. Tôi và gia đình có vận động khuyên bảo xong anh T1 không nghe. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019. Năm 2020 anh T1 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa (nay là Tòa án Khu vực 2-Cao Bằng) xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam V. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T2 – Sinh ngày 30/5/2017. Hiện nay con đang ở với bà nội. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn T1 có lời khai như sau:*

Tôi và chị T kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, xã B, tỉnh Cao Bằng.

Quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Bây giờ tôi đã không còn tình cảm với chị T và tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T2, từ lúc sinh ra con được ông bà nội chăm sóc cho đến bây giờ và nguyện vọng của tôi muốn được để cháu cho ông bà nuôi cho đến khi tôi hết án trở về.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 30/5/2017 cho chị Lý Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc; Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P (nay là xã B), tỉnh Cao Bằng là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị T khai do anh T1 nghiện ma túy, đến năm 2020 anh T1 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng) xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam V. Còn anh T1 cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nay chị T xin ly hôn, anh T1 cũng xác định không còn tình cảm với chị T và đồng ý ly hôn. Anh T1 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, chị T sau đó cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

[3] Về con chung: Chị Lý Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 01 con chung là Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 30/5/2017. Khi ly hôn cả chị T và anh T1 đều có yêu cầu được nuôi con. Còn về nguyện vọng của cháu T2 là mong muốn được ở với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, xem xét về nguyện vọng của con, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị T và anh T1, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147; Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị T, cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 30/5/2017 cho chị Lý Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Lý Thị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0002462 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Cao Bằng). Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND tỉnh CB;
- VKSNDKV2-CB;
- Phòng THADSKV2-CB;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- L-u HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thúy

